

Bản án số: **07/2022/HNGĐ - ST**
Ngày: 25-3-2022
V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Luyện Thanh Sơn**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Đức Lam**

2. Ông **Lê Văn Hiến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nga** - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim D**, sinh năm 1974;
Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm: 1969;
Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà D có mặt, ông H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2021, bản tự khai và lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thanh H, sau thời gian tự nguyện tìm hiểu khoảng 04 tháng, đến ngày 11/11/2004 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà của bà ở xã K, huyện Đ. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, tính tình gia trưởng, vũ phu, đã nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình đánh đập bà, mặc dù có thương tích nhưng bà không đi khám tại cơ sở y tế, ông H thường xuyên uống rượu say sưa,

chửi bới vợ con. Ngoài ra, năm 2010 ông có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, khiến bà tổn thương về tình cảm, khủng hoảng tinh thần nên từ đó dẫn đến vợ chồng hay xích mích, cãi vã, xung đột, cuộc sống chung căng thẳng, nặng nề. Mặc dù, bà và ông H sống chung một nhà nhưng mọi sinh hoạt đều riêng rẽ, không ai quan tâm đến ai.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Vợ chồng bà có một người con chung là cháu Nguyễn Thu Th, sinh ngày 01/6/2005. Ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th đến khi đủ 18 tuổi. Bà buôn bán tạp hóa và bán hàng ăn sáng tại nhà, thu nhập trung bình khoảng 10.000.000đ/tháng nên có thời gian và điều kiện kinh tế để đảm bảo nuôi dưỡng cháu Th phát triển tốt về mọi mặt nên không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ngày 11/5/2021, vợ chồng bà có vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Đ (viết tắt là Ngân hàng) số tiền 300.000.000đ, thời hạn vay là 12 tháng. Quá trình vay chưa trả được nợ gốc. Nay Ngân hàng không khởi kiện yêu cầu trả nợ nên bà cũng thống nhất không yêu cầu giải quyết trong vụ án này mà để các bên tự thỏa thuận.

Bị đơn ông H đã được Tòa án tổng đạt Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Mặt khác, bà D có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông H, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung thì không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Nợ Ngân hàng 300.000.000đ nhưng Ngân hàng không khởi kiện nên bà cũng thống nhất không yêu cầu giải quyết mà để các bên tự thỏa thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng là nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn ông H không chấp hành quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho bà Nguyễn Thị Kim D và ông Nguyễn Thanh H được ly hôn. Về con chung: giao cháu Nguyễn Thu Th cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, vấn đề cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu giải quyết nên không đề cập. Về tài sản chung: bà D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: Ngân hàng không khởi kiện yêu cầu bà D, ông H trả nợ trong vụ án này nên không đặt vấn đề giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà D khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với ông H. Ông H có địa chỉ cư trú tại thôn H, xã K, huyện Đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là “*Tranh chấp về ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự:

Phiên tòa ngày 17 tháng 02 năm 2022, ông H vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông H đăng ký kết hôn ngày 11/11/2004 tại UBND xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đông. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, thời điểm đăng ký cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà D, ông H là hợp pháp.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...*”

Theo tài liệu có trong hồ sơ, bà D cho rằng, vợ chồng bà sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, tính tình gia trưởng, vũ phu, có hành vi đánh đập bà, thường xuyên uống rượu say sưa, chửi bới vợ, con. Năm 2010, ông có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, khiến bà tổn thương về tình cảm, khủng hoảng tinh thần nên từ đó dẫn đến vợ chồng hay xích mích, cãi vã, xung đột, cuộc sống chung căng thẳng, nặng nề.

Tại biên bản xác minh ngày 17/01/2022 (*bút lục 60*), ông Ya N là trưởng thôn H, xã K, huyện Đ cho biết “*Bà D, ông H là người địa phương, ông bà kết hôn với nhau từ năm 2004. Quá trình sống chung nhận thấy thời gian đầu thì hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có sự chia sẻ, cảm thông mà hay cự cãi, chửi bới lẫn nhau, mâu thuẫn kéo dài, đã lâu nhưng không có biện pháp hàn gắn*”.

Đối với ông H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để biết và đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng đều vắng mặt, điều đó thể hiện sự bỏ mặc, không còn thiết tha đến tình cảm vợ chồng.

Như vậy, mâu thuẫn giữa bà D và ông H là có xảy ra trên thực tế, vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, người nào chỉ biết bốn phận của người đó, mâu thuẫn xảy ra nhưng các bên cũng không có biện pháp giải quyết, hàn hẩn tình cảm. Tại phiên tòa, bà D vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông H. Chứng tỏ quan hệ hôn nhân của bà D, ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho bà D và ông H được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Bà D và ông H có một người con chung là cháu Nguyễn Thu Th, sinh ngày 01/6/2005. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th. Tại biên bản xác minh ngày 17/01/2022 ông Ya N là trưởng thôn H, bà Nguyễn Thị D là em gái bà D đều cho biết “*Bà D, ông H có một người con chung là cháu Nguyễn Thu Th hiện đang sống cùng ông H bà D. Trường hợp ông bà ly hôn thì nên giao cháu Th cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp vì cháu Th là con gái*” (bút lục 59-60). Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn quy định “*Vợ, chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, trường hợp không thoả thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Đến thời điểm xét xử cháu Th đã trên 07 tuổi. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/10/2021 cháu Th có nguyện vọng được ở với mẹ (bút lục 24). Xét thấy bà D làm nghề buôn bán, có thời gian và thu nhập nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sẽ thuận lợi và có điều kiện tốt hơn ông H. Mặt khác, cháu Th là con gái đang độ tuổi hoàn thiện về giới tính. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu Th cho bà D được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của cháu Th và phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo để cho cháu Th có điều kiện phát triển tốt về mọi mặt. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, bà D không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung*: Bà D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung*: Bà D xác nhận ngày 11/5/2021 có vay và còn nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Đ số tiền 300.000.000đ. Tại văn bản số 964/NHNo.ĐĐ- KHKD ngày 06/12/2021, Ngân hàng cho biết không khởi kiện yêu cầu bên vay trả nợ trong vụ án này. Trường hợp, sau này nếu bên vay không thực hiện đúng nội dung hợp đồng tín dụng sẽ tiến hành khởi kiện bằng vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết về nợ chung.

[3] *Về án phí*: Buộc nguyên đơn bà D phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bị đơn ông H không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 205, 206, 207, 220, 227, 228, 262 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh H.

Cho bà Nguyễn Thị Kim D và ông Nguyễn Thanh H được ly hôn.

2.Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thu Th, sinh ngày 01/6/2005 cho bà Nguyễn Thị Kim D được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, bà Duyên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3.Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0003621 ngày 27/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương (bà D đã nộp đủ). Ông Nguyễn Thanh H không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4.Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Thanh H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- UBND xã K, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Luyện Thanh Sơn

